

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----\*\*\*-----

**HỢP ĐỒNG KINH TẾ**  
**LIÊN KẾT SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ NÔNG SẢN**  
Số:...../2020/HĐSXTTNS

- Căn cứ bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 do Quốc hội khóa 13 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;
- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 do Quốc hội khóa 11 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam thông qua ngày 14/6/2005, có hiệu lực từ ngày 01/01/2006;
- Căn cứ theo quy định pháp luật hiện hành;
- Căn cứ theo Ban ghi nhớ hợp tác giữa Công ty TNHH TM-ĐT-PT Do Holdings và Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Trị ngày .....tháng.....năm 2020. về việc liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm 2020 tại .....,  
chúng tôi gồm có:

**BÊN A (chủ đầu tư) TỔNG CTY TNHH TMĐT PHÁT TRIỂN DO HOLDINGS.**

- GCNĐKDN số: ..... Do ..... cấp ngày ... tháng ... năm ...
- Đơn vị thực hiện dự án liên kết: CÔNG TY CỔ PHẦN AGRIPAN.
- Địa chỉ: 47/5f Đường Song Hành, Phường Trung Chánh, Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: 028 620.4742 - Fax: 028 620.4742 - Hotline: 0962.979.979.
- Đại diện bởi Ông:Hồ Văn Hiệp, Chức vụ: Tổng Giám đốc.
- Số tài khoản : 0500.339957723 Ngân hàng Sacombank - Chi nhánh Đồng Nai.
- Số điện thoại: 0947393039

**BÊN B (nông dân): HỢP TÁC XÃ/THT (nên ghi rõ tên)**

- Đại diện: Ông/Bà:.....
- CMND số: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....
- Địa chỉ: .....
- Điện thoại: ..... Fax: .....
- Tài khoản số: ..... Mở tại ngân hàng: .....

**BÊN C: NGÂN HÀNG SACOMBANK – CHI NHÁNH QUẢNG TRỊ**

- Địa chỉ: .....
- Tài khoản số: .....
- Đại diện: ..... Chức vụ: .....
- Điện thoại: ..... Fax:.....

Sau khi thỏa thuận, các Bên thống nhất và đi đến ký kết Hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản tại tỉnh Quảng Trị theo “**mô hình liên kết 4 nhà**” (sau đây gọi tắt là

“**Hợp đồng**”). Hợp đồng này được thực hiện trong thời hạn ... năm (vụ) kể từ ngày ... tháng ... năm ... đến hết ngày ... tháng ... năm ....., với các Điều, khoản sau:

**Điều 1. Nội dung hợp đồng**

Các Bên cam kết thực hiện đúng các nội dung Hợp đồng mô hình lên kết 4 nhà như sau:

- 1.1. Bên A đồng ý cung cấp giống, phân bón, vật tư nông nghiệp, hỗ trợ kỹ thuật trồng, sản xuất Ngô, Ớt cho Bên B trong thời hạn Hợp đồng này. Bên A cam kết tiêu thụ toàn bộ sản phẩm được trồng, sản xuất đúng kỹ thuật, quy trình sản xuất và đạt tiêu chuẩn, chất lượng, quy cách theo thỏa thuận do Bên B sản xuất.
- 1.2. Bên B đồng ý sử dụng giống, phân bón, vật tư nông nghiệp và thực hiện theo kỹ thuật trồng, sản xuất Ngô, Ớt do Bên A cung cấp. Bên B cam kết bán toàn bộ sản phẩm do Bên B trồng, sản xuất cho Bên A.
- 1.3. Bên C cam kết hỗ trợ các gói tín dụng để Bên B thực hiện mô hình liên kết sản xuất với Bên A.
- 1.4. Loại cây trồng: Ngô lai LVN10 và Ớt chỉ thiên đỏ Trung Quốc
- 1.5. Diện tích sản xuất:.....
- 1.6. Sản lượng dự kiến: .....
- 1.7. Địa điểm thực hiện: .....

**Điều 2. Hàng hóa - Giá cả - Thanh toán**

2.1. **Vật tư sản xuất:**

2.1.1. Bên A cung cấp vật tư nông nghiệp, giống, phân bón (sau đây gọi tắt là “**vật tư sản xuất**”) để Bên B sản xuất với giá thỏa thuận, cụ thể theo bảng sau:

Stt	Tên sản phẩm	Số lượng (tấn)	Đơn giá (đồng/tấn)	Thành tiền (đồng)
<b>1</b>	<b>Giống</b>			
1.1	<i>Ngô lai LVN10</i>			
1.2	<i>Ớt chỉ thiên đỏ Trung Quốc</i>			
<b>2</b>	<b>Phân bón</b>			
2.1				
2.2				
2.3				
2.4				
<b>3</b>	<b>Thuốc trừ sâu</b>			
3.1				
3.2				
3.3				
<b>Tổng cộng</b>				

- 2.1.2. Trường hợp Bên A cung cấp thêm số lượng vật tư sản xuất được liệt kê tại bảng trên hoặc cung cấp các vật tư sản xuất không được liệt kê thì Bên A phải lập thành Biên bản nêu rõ loại, số lượng, giá cả,... của các vật tư sản xuất đó, đính kèm theo hóa đơn, biên lai, chứng từ có đầy đủ chữ ký của đại diện Bên A và Bên B. Các Biên bản, hóa đơn, biên lai, chứng từ kèm theo được xem như một phần của Hợp đồng này, có giá trị pháp lý như Hợp đồng.
- 2.1.3. Hình thức thanh toán: Bên B thanh toán bằng tiền mặt (Việt Nam Đồng) tại

..... hoặc chuyển khoản theo thông tin số tài khoản của Bên A được nêu tại phần đầu của Hợp đồng, chi phí liên quan đến thanh toán do Bên B chịu.

2.1.4. Phương thức thanh toán:

2.1.4.1. Bên B thanh toán cho Bên A 60% trên tổng giá trị vật tư sản xuất trong thời hạn ... ngày kể từ ngày nhận đủ vật tư sản xuất của Bên A giao. Trường hợp Bên B có khả năng thanh toán bằng tiền mặt cho Bên A tại thời điểm nhận đủ vật tư sản xuất thì Bên A sẽ chiết khấu 3% trên tổng giá trị vật tư sản xuất đó, Bên B chỉ cần thanh toán 57% trên tổng giá trị vật tư sản xuất.

2.1.4.2. Nếu Bên B không có tiền mặt để thanh toán cho Bên A 60% trên tổng giá trị vật tư sản xuất thì Bên A hỗ trợ liên kết với Bên C cho vay bằng tài sản thế chấp của Bên B. Bên A sẽ chịu trách nhiệm trả lãi suất vay trên trong suốt vòng đời của dự án (Ngô là 03 tháng và Ót là 05 tháng) để Bên B sản xuất.

2.1.4.3. Bên C bảo lãnh cho Bên B 40% trên tổng giá trị vật tư sản xuất còn lại chưa thanh toán cho Bên A.

2.1.4.4. Bên B thanh toán 40% tổng giá trị vật tư còn lại khi Bên A thu mua sản phẩm.

2.2. **Sản phẩm tiêu thụ:**

2.2.1. **Đối với sản phẩm Ót:**

2.2.1.1. Bao bì, đóng gói sản phẩm: Quả ót tươi được đóng trong rổ nhựa có lót và phủ giấy do Bên A cung cấp (không tính phí).

2.2.1.2. Quy cách: Trọng lượng tịnh là 7,2kg/rổ, trọng lượng thanh toán là 7kg/rổ.

2.2.1.3. Phân loại quả đạt tiêu chuẩn:

- ❖ Quả dài 6 cm trở lên (tính từ gốc quả, không tính cuống);
- ❖ Vỏ quả phải thẳng có màu đỏ tươi, cứng, không bị sâu, bệnh;
- ❖ Trên vỏ quả màu xanh chỉ được chiếm 30% tính từ gốc quả;
- ❖ Cuống quả phải tươi không được héo, đen;
- ❖ Trong rổ ót đóng gói không được lẫn lá.

2.2.2. **Đối với sản phẩm Ngô**

2.2.2.1. Quy cách: Đóng thành bao 50kg

2.2.2.2. Phân loại hạt bắp đạt tiêu chuẩn:

- ❖ Độ ẩm hạt:  $\leq 13\%$ ;
- ❖ Hạt không bị sâu, bệnh, không lẫn tạp chất.

2.2.2.3. Giá cả:

- ❖ Sản phẩm ót: 10.000đ/kg
- ❖ Sản phẩm ngô: 6.500đ/kg

2.2.2.4. Chi phí đóng gói, bao bì do Bên A chịu.

2.3. Phương thức thanh toán:

2.3.1. Bên A thanh toán đầy đủ và đúng hạn tiền mua sản phẩm cho Bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản đến số tài khoản Bên B sau khi khấu trừ đi 40% trên

tổng giá trị hàng vật tiền vật tư nông nghiệp Bên B chưa thanh toán trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày Bên A thu mua sản phẩm.

- 2.3.2. Hết thời hạn thanh toán theo khoản 2.3.1 Điều này mà Bên A chưa thanh toán đủ các khoản tương ứng cho Bên B thì Bên A chịu trách nhiệm trả tiền lãi chậm trả cho Bên B dựa trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

### **Điều 3. Thời gian, địa điểm, chi phí phát sinh khi giao nhận/thu mua**

#### **3.1. Thời gian, địa điểm giao nhận giống, phân bón, vật tư nông nghiệp**

- 3.1.1. Thời gian: Bên A thông báo cho Bên B về thời gian giao giống, phân bón, vật tư nông nghiệp trước **10** ngày.

- 3.1.2. Địa điểm: **Bên B**

- 3.1.3. Chi phí: vận chuyển vận chuyển vật tư sản xuất tới kho Hợp tác xã do Bên A chịu. Chi phí bốc xếp Bên B chịu.

#### **3.2. Thời gian, địa điểm thu mua sản phẩm**

- 3.2.1. Thời gian: Căn cứ vào lịch xuống giống, Bên B thông báo cho Bên A về thời gian thu hoạch trước 30 ngày trước khi thu mua sản phẩm, nếu có thay đổi thì Bên B phải thông báo cho Bên A trước 10 ngày trước khi thu hoạch sản phẩm.

- 3.2.2. Nếu Bên A không đến nhận hàng đúng thời gian đã thỏa thuận thì phải chịu chi phí bảo quản nông sản và bồi thường thiệt hại giá trị sản phẩm do để lâu chất lượng hàng hóa giảm sút (Dựa trên mức độ thiệt hại, hai Bên thỏa thuận giá trị phải bồi thường).

- 3.2.3. Nếu địa điểm thỏa thuận giao hàng tại nơi thu hoạch, Bên B có trách nhiệm chuẩn bị đủ hàng. Khi Bên A đến nhận hàng đúng theo lịch mà Bên B không có đủ hàng giao để Bên A bị lỡ kế hoạch sản xuất và phương tiện vận chuyển thì Bên B phải chịu bồi hoàn thiệt hại vật chất gây ra (Dựa trên mức độ thiệt hại, hai Bên thỏa thuận giá trị phải bồi thường).

- 3.2.4. Khi đến nhận hàng: người nhận hàng của Bên A phải xuất trình giấy tờ hợp pháp do Bên A cấp. Nếu có tranh chấp về số lượng và chất lượng hàng hóa thì phải lập biên bản tại chỗ, có chữ ký của người đại diện mỗi Bên.

- 3.2.5. Sau khi nhận hàng: đại diện các Bên giao và nhận hàng phải lập biên bản giao nhận hàng hóa xác nhận rõ số lượng, chất lượng hàng có chữ ký và họ tên của người đại diện. Mỗi Bên giữ 01 bản.

- 3.2.6. Địa điểm: **Bên B**

- 3.2.7. Chi phí vận chuyển và bốc xếp sản phẩm hàng thu mua do Bên A chịu. Bất kỳ chi phí vận chuyển và bốc xếp nào phát sinh trong quá trình giao nhận vật tư sản xuất và thu mua sản phẩm mà do lỗi của một Bên sẽ do Bên đó chịu trách nhiệm chi trả.

### **Điều 4. Nghĩa vụ bảo đảm:**

Bên B phải có Chứng thư bảo lãnh của Bên C phát hành về khoản tiền 40% trên tổng giá trị tiền vật tư mà Bên B chưa thanh toán cho Bên A.

### **Điều 5. Quyền, nghĩa vụ của Bên A**

- 5.1. Bên A có nghĩa vụ cung cấp giống, vật tư nông nghiệp, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật đúng và đầy đủ số lượng, chất lượng, thời hạn đã thỏa thuận. Bên A đồng ý cho Bên B công nợ 40% trên tổng giá trị vật tư sản xuất.

- 5.2. Đảm bảo thu mua 100% sản phẩm, hàng hóa đúng theo quy cách, tiêu chuẩn, giá cả và số lượng thực tế như đã cam kết ban đầu.
- 5.3. Thanh toán đầy đủ và đúng hạn tiền mua hàng hoá cho Bên B theo các Điều khoản đã thỏa thuận tại Hợp đồng này
- 5.4. Phối hợp với Bên B tổ chức các biện pháp thu mua theo thời gian, địa điểm thu hoạch theo thoả thuận giữa các Bên.
- 5.5. Cử cán bộ kỹ thuật thường xuyên kiểm tra hướng dẫn cho Bên B hoặc các hộ dân trực tiếp canh tác trong khoảng thời hạn của Hợp đồng này.
- 5.6. Kiểm tra quy cách, tiêu chuẩn hàng hoá thu mua trước khi thu mua. Bên A có trách nhiệm thông báo trước **10** ngày để Bên B bảo đảm có điều kiện tiến hành việc kiểm tra.
- 5.7. Nếu Bên A không mua sản phẩm liên kết sản xuất đạt quy cách, tiêu chuẩn trong Hợp đồng này thì Bên A mất 40% giá trị vật tư nông nghiệp mà Bên B chưa thanh toán.

**Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Bên B.**

- 6.1. Phải tuân thủ các quy trình canh tác theo hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật của Bên A và những trường hợp khuyến cáo của ngành nông nghiệp.
- 6.2. Sử dụng giống và vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật) theo yêu cầu của Bên A.
- 6.3. Đảm bảo thực hiện các công việc cải tạo đất, đầu tư hệ thống tưới tiêu và nhân công trong suốt quá trình gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch, bảo quản, vận chuyển nông sản.
- 6.4. Toàn bộ 100% sản phẩm nông sản do Bên B sản xuất ra từ giống do Bên A cung cấp phải được xuất bán cho Bên A. Không được xuất bán cho Bên thứ ba khi chưa được sự đồng ý bằng văn bản của Bên A.
- 6.5. Bên B phải thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ngân hàng để bảo lãnh phần nghĩa vụ thanh toán Hợp đồng.
- 6.6. Bán sản phẩm hàng hóa cho Bên A đúng theo quy cách, tiêu chuẩn và số lượng thực tế, và thời gian như đã cam kết ban đầu. Trường hợp hàng hóa không đúng số lượng, chất lượng thực tế, quy cách và thời gian giao hàng thì Bên A được quyền từ chối không nhận hàng. Đây được coi là trường hợp giao hàng không đúng Hợp đồng, vi phạm cơ bản nghĩa vụ Hợp đồng.
- 6.7. Bên B phải chịu trách nhiệm về những khiếm khuyết của hàng hoá mà Bên A hoặc đại diện của Bên A đã kiểm tra nếu các khiếm khuyết của hàng hoá không thể phát hiện được trong quá trình kiểm tra bằng biện pháp thông thường (đur lượng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc trừ sâu, chất lượng kém,...) và Bên B đã biết hoặc phải biết về các khiếm khuyết đó nhưng không thông báo cho Bên A.
- 6.8. Bên B phải chịu trách nhiệm về khiếm khuyết của hàng hóa phát sinh sau thời điểm Bên A thu mua nếu khiếm khuyết đó do bên bán vi phạm hợp đồng (không thực hiện đúng theo quy trình sản xuất, hướng dẫn kỹ thuật của Bên A ảnh hưởng đến chất lượng, ...)
- 6.9. Bên B không phải chịu trách nhiệm về những khiếm khuyết của hàng hoá mà Bên A hoặc đại diện của Bên A đã biết hoặc phải biết nhưng không thông báo cho Bên B trong thời hạn ... ngày kể từ ngày Bên A kiểm tra hàng hoá.

- 6.10. Nhận đủ tiền bán sản phẩm hàng hoá của Bên A trả sau khi trừ đi các khoản giống và vật tư nông nghiệp do Bên A ứng trước (nếu có).
- 6.11. Thực hiện nghĩa vụ hoàn trả các khoản vay (bao gồm: nợ gốc, lãi vay, lãi quá hạn và phí) cho Bên C.

**Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Bên C**

- 7.1. Có các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Quy chế hoạt động của Bên C;
- 7.2. Yêu cầu Bên B thực hiện các nghĩa vụ đã cam kết theo Hợp đồng với Bên A .
- 7.3. Ngừng cho vay, chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện Bên B cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm nghĩa vụ Hợp đồng này.
- 7.4. Giao cho Bên B tiền vay theo thời gian đã thoả thuận tại Hợp đồng này.
- 7.5. Nhận tiền lãi vay hàng tháng, lãi suất nợ quá hạn trong trường hợp đến kỳ thanh toán mà Bên B không trả được nợ.

**Điều 8. Xử lý vi phạm Hợp đồng**

- 8.1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu Bên A vi phạm một trong những nội dung quy định tại các khoản 8.1.1; 8.1.2; 8.1.3; 8.1.4; 8.1.5 của Điều này thì phải bồi thường toàn bộ thiệt hại vật chất do hành vi vi phạm gây ra.
  - 8.1.1. Không mua hết nông sản hàng hoá đạt chuẩn chất lượng, số lượng, quy cách của Bên B;
  - 8.1.2. Mua không đúng thời gian, không đúng địa điểm như đã cam kết trong Hợp đồng;
  - 8.1.3. Gian lận thương mại trong việc định tiêu chuẩn chất lượng, số lượng nông sản hàng hoá;
  - 8.1.4. Lợi dụng tính độc quyền của Hợp đồng tiêu thụ để mua nông sản với giá thấp hơn giá đã thoả thuận trong Hợp đồng;
  - 8.1.5. Có hành vi khác gây thiệt hại cho Bên B.
- 8.2. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu Bên B đã nhận tiền vốn, vật tư ứng trước của Bên A, mà cố ý không bán nông sản hàng hoá hoặc bán nông sản hàng hoá cho doanh nghiệp khác không ký Hợp đồng đầu tư sản xuất; bán thiếu số lượng, không đúng thời gian, không đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng hàng hoá quy định trong hợp đồng; không thanh toán đúng thời hạn hoặc có hành vi vi phạm nghĩa vụ khác của Hợp đồng thì Bên B phải: Chịu trách nhiệm bồi thường: toàn bộ thiệt hại, khoản lợi ích mà lẽ ra Bên A sẽ được hưởng do Hợp đồng và Phụ lục Hợp đồng mang lại nếu không có hành vi vi phạm của Bên B và các chi phí phát sinh mà không trùng lặp với các khoản bồi thường đã yêu cầu và chịu phạt vi phạm hợp đồng theo quy định của pháp luật.

- 8.3. Trường hợp một trong một hoặc các Bên vi phạm các nghĩa vụ cơ bản Hợp đồng này thì Bên vi phạm phải chịu phạt vi phạm 08% phần giá trị hợp đồng bị vi phạm cũng như bồi thường những thiệt hại phát sinh cho Bên Bị vi phạm.

## **Điều 9. Sự kiện bất khả kháng**

- 9.1. “Sự kiện bất khả kháng” nghĩa là bất kỳ điều kiện hoặc tình huống hoặc sự kết hợp giữa những điều kiện và tình huống xảy ra làm cho các Bên trong Hợp đồng không thể thực hiện nghĩa vụ theo thỏa thuận được (vi phạm Hợp đồng) thì sẽ được miễn trách nhiệm khi đáp ứng đủ các yếu tố cơ bản sau:
- ❖ Sự kiện đó nằm ngoài phạm vi kiểm soát của Bên có hành vi vi phạm Hợp đồng.
  - ❖ Hậu quả xảy ra không thể lường trước được tại thời điểm giao kết hoặc trong quá trình thực hiện Hợp đồng cho đến trước thời điểm xảy ra hành vi vi phạm.
  - ❖ Hậu quả xảy ra không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.
- 9.2. Sự kiện bất khả kháng: trong giới hạn của định nghĩa trên được ví dụ cụ thể như sau:
- ❖ Thiên tai;
  - ❖ Nổ hạt nhân, nhiễm hóa chất, phóng xạ hoặc bức xạ ion.- Bệnh dịch, bệnh truyền nhiễm hoặc cách ly để miễn dịch;
  - ❖ Chiến tranh (dù có công bố chiến tranh hay không), xâm lược, cấm vận, cách mạng, đảo chính, hoặc xung đột vũ trang;
  - ❖ Nổi loạn, bạo động dân sự, khởi nghĩa hoặc khủng bố tại Việt Nam;
  - ❖ Động đất, và các sự kiện khác.
- 9.3. Hệ quả pháp lý khi xảy ra sự kiện bất khả kháng:
- 9.3.1. Không Bên nào phải chịu trách nhiệm đối với Bên kia do vi phạm nghĩa vụ Hợp đồng do sự kiện bất khả kháng xảy ra. Bên vi phạm Hợp đồng trong trường hợp này có nghĩa vụ chứng minh mình đủ điều kiện để được miễn trách nhiệm khi sự kiện bất khả kháng xảy ra theo quy định của pháp luật.
- 9.3.2. Nếu bất kỳ một Bên ký kết nào không thể thực hiện bất kỳ một trong số những nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này vì sự kiện bất khả kháng, Bên đó phải ngay lập tức thông báo bằng văn bản cho Bên kia với đầy đủ các chi tiết về sự kiện bất khả kháng và những hậu quả có thể xảy ra.
- 9.3.3. Trong trường hợp bất khả kháng, các bên có thể thỏa thuận kéo dài thời hạn thực hiện nghĩa vụ Hợp đồng; Nếu các bên không có thỏa thuận hoặc không thỏa thuận được thì thời hạn thực hiện nghĩa vụ Hợp đồng được tính thêm một thời gian bằng thời gian xảy ra trường hợp bất khả kháng cộng với thời gian hợp lý để khắc phục hậu quả, nhưng không được kéo dài quá thời gian quy định tại khoản 1 Điều 296 Luật thương mại 2005.
- 9.3.4. Khi trường hợp sự kiện bất khả kháng chấm dứt, Bên vi phạm Hợp đồng phải thông báo ngay cho Bên còn lại biết; nếu bên vi phạm không thông báo hoặc thông báo không kịp thời cho bên kia thì phải bồi thường thiệt hại.
- 9.3.5. Nếu sự kiện bất khả kháng diễn ra kéo dài quá 30 ngày kể từ ngày một Bên thông báo cho Bên còn lại bằng văn bản về sự kiện bất khả kháng, các Bên có quyền chấm dứt Hợp đồng này bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại về việc chấm dứt Hợp đồng. Hợp đồng được xem là chấm dứt khi các Bên còn lại không có ý kiến phản đối trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày

nhận được thông báo về việc chấm dứt Hợp đồng do sự kiện bất khả kháng của Bên yêu cầu.

#### **Điều 10. Giải quyết tranh chấp Hợp đồng**

- 10.1. Hai Bên phải chủ động thông báo cho nhau về tiến độ thực hiện Hợp đồng. Những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng có nguy cơ dẫn đến không đảm bảo tốt cho việc thực hiện Hợp đồng, các Bên phải kịp thời thông báo cho nhau tìm cách giải quyết.
- 10.2. Trường hợp có tranh chấp về Hợp đồng thì Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm phối hợp với Hội nông dân Việt Nam cùng cấp và Hiệp hội ngành hàng tổ chức và tạo điều kiện để hai Bên thương lượng, hòa giải.
- 10.3. Trường hợp có tranh chấp về chất lượng hàng hóa, hai Bên mời cơ quan giám định có thẩm quyền tới giám định, kết luận của cơ quan giám định là kết luận cuối cùng. Chi phí thẩm định do Bên .... chịu.
- 10.4. Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh và đầy đủ các điều khoản trong Hợp đồng này, và các phụ lục kèm theo. Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng này được giải quyết bằng phương thức thỏa thuận. Nếu các Bên không thỏa thuận được thì mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này được đưa ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết.

#### **Điều 11. Chấm dứt Hợp đồng**

- 11.1. Hợp đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau:
  - 11.1.1. Hai Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng;
  - 11.1.2. Hợp đồng hết hạn;
  - 11.1.3. Khi một Bên có yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bằng văn bản và được sự chấp thuận bằng văn bản của Bên còn lại;
  - 11.1.4. Một Bên được quyền đình chỉ thực hiện Hợp đồng khi Bên còn lại vi phạm nghĩa vụ và Bên bị vi phạm đã gửi văn bản thông báo nhưng Bên vi phạm vẫn không khắc phục trong thời hạn được ấn định trong thông báo;
  - 11.1.5. Xảy ra sự kiện bất khả kháng theo điểm 9.3.5, theo quy định của pháp luật dẫn đến việc một Bên hoặc các Bên không thể tiếp tục thực hiện được Hợp đồng hoặc không thể khắc phục để tiếp tục thực hiện Hợp đồng;
  - 11.1.6. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.
- 11.2. Trường hợp một Bên chấm dứt Hợp đồng trái quy định của Hợp đồng này hoặc quy định của pháp luật mà gây thiệt hại thì phải chịu phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Bên còn lại.

#### **Điều 12. Hiệu lực của Hợp đồng**

- 12.1. Sau khi đọc toàn bộ nội dung các Bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng này và xác nhận đã hiểu rõ tất cả các điều khoản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình, ý nghĩa và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này. Ba Bên đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và cùng ký tên vào Hợp



đồng này.

- 12.2. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký cho đến khi chấm dứt Hợp đồng theo quy định của pháp luật hoặc hai Bên có văn bản khác thay thế.
- 12.3. Mọi sửa đổi, bổ sung (nếu có) liên quan đến Hợp đồng này chỉ có giá trị pháp lý khi được sự thỏa thuận của các Bên và lập thành biên bản có chữ ký của các Bên xác nhận. Biên bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng này là Phụ lục Hợp đồng một phần không tách rời của Hợp đồng này và có giá trị pháp lý như Hợp đồng. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa Hợp đồng và Phụ lục Hợp đồng thì Phụ lục Hợp đồng có giá trị áp dụng.
- 12.4. Hợp đồng này được lập thành 06 (sáu) bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản để thực hiện./.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**  
(Ký tên và đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN BÊN C**  
(Ký tên và đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN BÊN B**  
(Chữ ký/điểm chỉ và ghi rõ họ tên)

**XÁC NHẬN CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG**  
(Ký tên và đóng dấu)